TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ A** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 40/2024/QĐST-HNGĐ	*Thành phố A, ngày 26 tháng 03 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 71/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 03 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Mỹ C, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Khóm K, phường C, thành phố A, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn V, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Khóm K, phường C, thành phố A, tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 03 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 03 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị Mỹ C và anh Nguyễn Tuấn V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Về hôn nhân: Chị Trương Thị Mỹ C và anh Nguyễn Tuấn V thống nhất tự nguyện thoả thuận thuận tình ly hôn.

+ Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Tuấn V, sinh ngày 10/7/2019, hiện cháu đang sống với chị Mỹ C. Chị Trương Thị Mỹ C và anh Nguyễn Tuấn Vtự nguyện thoả thuận như sau: Sau khi ly hôn chị Trương Thị Mỹ C được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Tuấn P, anh Nguyễn Tuấn V không cấp dưỡng

nuôi con do chị Trương Thị Mỹ C tự nguyện không yêu cầu. Chị Trương Thị Mỹ C cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Tuấn V trong việc thăm nôm, chăm sóc, giáo dục con.

+ Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Mỷ C và anh Tuấn V cam kết tài sản vợ chồng tự thoả thuận và cũng không có ý định tẩu tán tài sản.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Mỹ C và anh Tuấn V cam kết không có ý định né tránh nghĩa vụ trả nợ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Trương Thị Mỹ C và anh Nguyễn Tuấn Vthoả thuận như sau: Chị Trương Thị Mỹ C chịu 75.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình, anh Nguyễn Tuấn Vchịu 75.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình. Tuy nhiên, chị Trương Thị Mỹ C đồng ý tự nguyện chịu thay cho anh Nguyễn Tuấn V số tiền án phí là 75.000đ. Vậy, chị Trương Thị Mỹ C phải chịu tổng cộng là 150.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005020 ngày 18/03/2024. Chị Trương Thị Mỹ C được nhận lại số tiền 150.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sư;
- VKSND TP A;
- UBND PC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thanh T